| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – H phúc** |

Bản án số: 218/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2024
V/v "Tranh chấp chia tài sản chung và nợ sau ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Biện Thị Nhung
*Các Hội thẩm nhân dân:*
Ông Tạ Thanh Bự
Ông Nguyễn Ngọc Trường
***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp chia tài sản chung và nợ sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thanh M, sinh năm 1986 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng E, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp ĐG, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp XT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
2. Ông Ngô Hoàng N (vắng mặt)
3. Bà Ngô Thị Y (Kim Y) (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp QC, xã ATA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.
4. Ông Phạm Văn B (vắng mặt)
5. Bà Võ Hồng N (vắng mặt)
Cư trú tại: Ấp XL, xã TG, huyện NH, tỉnh Cà Mau.
6. Bà Nguyễn Thị H; cư trú tại: Ấp CL, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).
8. Ông Nguyễn Trường G (vắng mặt)
9. Bà Trần Tuyết P, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

10. Ông Lê Trường G (vắng mặt)

11. Bà Trương Thị N (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp XN, xã VAĐ, huyện NH, tỉnh Cà Mau.

12. Ông Liên Văn T (vắng mặt)

13. Anh Liên Hoàng M (vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp ĐG, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

14. Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn chị Trương Thanh M trình bày:* Vào ngày 21/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã giải quyết cho chị M và anh Hoàng E ly hôn theo bản án số 228/2023/HNGĐ-ST, phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Nay chị yêu cầu phân chia tài sản chung như sau:

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh chị có mua được 15 chỉ vàng 24k (trong đó có 1 dây chuyền 10 chỉ vàng 24k và 1 chiếc khâu mặt tợ 5 chỉ mua ở tiệm vàng Mỹ Thanh ở Tân Tiến) nay anh Hoàng E đang giữ, yêu cầu phân chia cho chị M được hưởng ½.

- Về phần người khác nợ lại chị M và anh Hoàng E như sau: Vào tháng 9/2022 anh Nguyễn Trung T mượn 15 chỉ vàng 24k, hẹn một tháng trả 10 chỉ, tháng sau trả 5 chỉ vàng 24k, khi mượn không làm biên nhận nhưng sau đó 2 tháng anh T không trả thì chị có ghi âm lại. Năm 2022 ông Ngô Hoàng Nhân và bà Ngô Thị Y mượn 15.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm, hẹn 3 tháng trả, không làm biên nhận, có ghi biên lai. Năm 2021 ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N mượn 10.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm, hẹn hai tháng trả. Năm 2020 bà Nguyễn Thị H mượn 10.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm, hẹn vài tháng trả cho chị, có biên lai thu tiền bảo hiểm. Thời gian cách nay khoảng 3 đến 4 năm bà Nguyễn Thị T có nhờ vợ chồng chị mua cua yếm vuông, cua y, cua xô gửi cho bà T đang ở Sài Gòn bán, số tiền mua cua là 4.000.000 đồng. Vào tháng 9/2022 ông Nguyễn Trường G và bà Trần Tuyết P mượn 10.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm cho con là Nguyễn Trường A. Năm 2020 ông Lê Trường G và bà Trương Thị N mượn 30.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm, hẹn 3 đến 4 tháng trả, có ký biên lai. Thời gian từ năm 2018 cho đến nay ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M mua đồ tạp hoá của vợ chồng chị nhiều lần còn nợ lại số tiền 1.500.000. đồng và ngày 24/6/2020 âm lịch chị và anh Hoàng E có cho ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M vay số tiền vốn 20.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, sau khi vay không đóng lãi, có trả vốn được 10.000.000 đồng, chị M yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử. Nay chị M yêu cầu ông Nhân và bà Y, ông B và bà N, bà H, bà T, anh A, ông G và bà N, ông T và anh M phải trả lại các khoản nợ nêu trên cho chị và anh Hoàng E để phân chia cho chị M được hưởng ½. Tại phiên Toà chị M không yêu cầu ông G và bà P, anh T trả nợ cho chị.

* *Bị đơn anh Nguyễn Hoàng E trình bày:*

- Về phần tài sản chung: 15 chỉ vàng 24k chị M kê khai anh Hoàng E đồng ý phân chia mỗi người ½.

- Về phần người khác nợ lại anh và chị M như sau: Cách hơn một năm, vợ chồng anh Nguyễn Trung T là người ở xóm của anh có đến nhà anh chị mượn 15 chỉ vàng 24k, hẹn một tháng trả. Cách nay hơn một năm ông Ngô Hoàng Nhân và bà Ngô Thị Y mượn của anh chị 15.000.000 đồng, ông Nhân có ký vào biên lai anh đang giữ, hẹn 3 tháng trả. Khoảng năm 2022 ông Phạm Văn B có điện thoại cho anh mượn số tiền 10.000.000 đồng để đóng bảo hiểm cho vợ là bà Võ Hồng N và hẹn vài tháng trả, có chuyển tiền qua tài khoản. Vào năm 2020 bà Nguyễn Thị H là chị ruột của anh có mượn 10.000.000 đồng để đóng bảo hiểm cho bà H và hẹn khi nào có tiền thì trả. Cách nay khoảng 3 đến 4 năm anh và chị M có mua cua gửi lên cho bà Nguyễn Thị T bán để kiếm lời, số tiền cua là 4.000.000 đồng. Cách nay đã hơn một năm, khi anh còn đi làm bảo hiểm thì anh Nguyễn Trường A là cháu của anh có làm tư vấn viên bán bảo hiểm và làm chung với anh, khi A vào làm thì có tham gia bảo hiểm nên anh có cho A mượn số tiền 15.000.000 đồng. Sau khi mượn A có trả lại cho anh nhiều lần được số tiền 5.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng. Khi cho mượn có làm hợp đồng bảo hiểm và có chuyển khoản, có ký vào biên lai thu tiền có sự chứng kiến của ông G và bà P là cha mẹ của A. Năm 2020 ông Lê Trường G và bà Trương Thị N hỏi mượn của anh chị số tiền 30.000.000 đồng để đóng tiền bảo hiểm, hẹn vài tháng hốt hụi trả. Cách nay khoảng 4 năm ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M có mua đồ tạp hoá của anh chị nhiều lần còn nợ 1.500.000 đồng, ngoài ra anh chị có cho ông T và anh M mượn 10.000.000 đồng, anh M có ký biên nhận. Anh Hoàng E yêu cầu những người nợ vợ chồng anh nêu trên phải trả lại cho anh và chị M để phân chia mỗi người được hưởng ½.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Bà Nguyễn Thị T trình bày:* Trước đây khoảng năm 2016, 2017 bà bị bệnh và mổ ở bệnh viện ung bứu Sài Gòn, anh E ai có cua thì gửi lên cho bác sĩ. M và E có gửi cua lên để cho bác sĩ mổ, số tiền mua bao nhiêu thì không biết, vợ chồng M, E không có đòi bà trả tiền. Nay chị M yêu cầu bà trả 4.000.000 đồng tiền cua bà không đồng ý vì không biết số lượng cua là bao nhiêu.

- *Bà Trần Tuyết P trình bày:* Bà xác định bà và ông G không có mượn tiền gì của vợ chồng M E, còn việc Trường A có mượn hay không thì bà không biết nên không đồng ý theo yêu cầu của chị M.

- *Anh Nguyễn Trung T trình bày:* Chị M cho rằng anh có nợ 15 chỉ vàng 24k là hoàn toàn không đúng, anh và anh Hoàng E có quen biết nhau trong quá trình làm chung công ty bảo hiểm nhân thọ ngoài ra giữa anh với chị M, anh Hoàng E không có nợ gì nhau. Do đó, anh không đồng ý yêu cầu của chị M.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại không có ý kiến trong vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị T, bà Trần Tuyết P có đơn xin vắng mặt; ông Ngô Hoàng N, bà Ngô Thị Y, ông Phạm Văn B, bà Võ Hồng N, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Trường G, ông Lê Trường G, bà Trương Thị N,

ông Liên Văn T, anh Liên Hoàng M, anh Nguyễn Trường A vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về phần tài sản: Tại Bản án số 228/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử cho chị Trương Thanh M được ly hôn anh Nguyễn Hoàng E, tài sản chung tự thỏa thuận phân chia. Nay chị M yêu cầu được phân chia 15 chỉ vàng 24k cho chị được hưởng ½. Xét thấy, anh Hoàng E thừa nhận và đồng chia mỗi người ½. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị M, buộc anh Hoàng E phải giao lại 7,5 chỉ vàng 24k cho chị M được hưởng.

[3] Về phần người khác nợ lại chị và anh Hoàng E như sau:

- Đối với khoản nợ của anh Nguyễn Trung T, ông Nguyễn Trường G và bà Trần Tuyết P, tại phiên toà chị M không yêu cầu toà án giải quyết nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu này của chị M.

- Đối với khoản nợ của ông Ngô Hoàng Nhân và bà Ngô Kim Y mượn 15.000.000 đồng, Nguyễn Trường A mượn 10.000.000 đồng, ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N mượn 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H mượn 10.000.000 đồng, ông Lê Trường G và bà Trương Thị N mượn 30.000.000 đồng, ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M nợ 1.500.000 đồng và vay số tiền 10.000.000 đồng, chị M yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định nhưng ông N, bà Y, anh A, ông B, bà N, bà H, ông G, bà N, ông T, anh M không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị M. Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị T số tiền cua là 4.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có việc chị M và anh Hoàng E gửi cua cho bà. Chị M và anh Hoàng E xác định số tiền mua cua là 4.000.000 đồng, bà T không đồng ý nhưng cũng không đưa ra căn cứ chứng minh số tiền mua cua ít hơn số tiền chị M và anh Hoàng E yêu cầu. Do đó, có căn cứ xác định các đương sự này có nợ chị M và anh Hoàng E số tiền đã nêu trên.

Đối với khoản nợ của ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M: Chị M yêu cầu tính lãi suất 20%/năm từ ngày vay ngày 24/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 13/8/2020 dương lịch) đến ngày xét xử. Xét thấy yêu cầu này là phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy, lãi suất được tính như sau: 10.000.000 đồng x 4 năm 2 ngày = 8.011.111 đồng. Tổng cộng, vốn lãi là 18.011.111 đồng. Tổng số tiền nợ và vay ông T và anh M phải tả cho chị M và anh Hoàng E là 19.511.111 đồng.

Từ các nhận định nêu trên nên chấp nhận yêu cầu của chị M và anh Hoàng E về việc đòi lại các khoản nợ này để phân chia cho chị M và anh Hoàng E mỗi người được hưởng ½.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thanh M, anh Nguyễn Hoàng E, ông Ngô Hoàng N và bà Ngô Kim Y, anh Nguyễn Trường A, ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Trường G và bà Trương Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 147, khoản 2 điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 33 và 59 Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 166, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu của chị Trương Thanh M về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung T trả 15 chỉ vàng 24k, ông Nguyễn Trường G và bà Trần Tuyết P trả 10.000.000 đồng cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E để phân chia mỗi người được hưởng ½.

2. Về tài sản chung và người khác nợ lại: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E. Phân chia cho chị Trương Thanh M được hưởng 7,5 chỉ vàng 24k. Buộc anh Nguyễn Hoàng E phải giao trả lại 7,5 chỉ (bảy chỉ năm phân) vàng 24k cho chị Trương Thanh M được hưởng.

Buộc ông Ngô Hoàng N và bà Ngô Kim Y phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc anh Nguyễn Trường A phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc ông Lê Trường G và bà Trương Thị N phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M phải trả cho chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E mỗi người số tiền 9.755.555 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Chị Trương Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.256.527 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp lần lượt là 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngìn đồng) và 3.425.000 đồng (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0001201 và 0001719 ngày 16/5/2024 và ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị Trương Thanh M còn phải nộp tiếp số tiền là 1.281.527 đồng (một triệu hai trăm tám mươi mốt nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng).

3.2. Anh Nguyễn Hoàng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.462.777 đồng (hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.593.000 đồng (hai triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0001720 ngày 15/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh Nguyễn Hoàng E được nhận lại số

tiền chênh lệch là 130.223 đồng (một trăm ba mươi nghìn hai trăm hai mươi ba đồng).

3.3. Ông Ngô Hoàng N và bà Ngô Kim Y phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh Nguyễn Trường A phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị H phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), ông Lê Trường G và bà Trương Thị N phải chịu 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M phải chịu 975.555 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày chị Trương Thanh M và anh Nguyễn Hoàng E có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng ông Ngô Hoàng N và bà Ngô Kim Y, anh Nguyễn Trường A, ông Phạm Văn B và bà Võ Hồng N, bà Nguyễn Thị H, ông Lê Trường G và bà Trương Thị N, bà Nguyễn Thị T, ông Liên Văn T và anh Liên Hoàng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Biện Thị Nhung**